

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thảo H, sinh năm 1985 (Có mặt).
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn D, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Buôn N, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H trình bày:

Chị H kết hôn với anh Nguyễn D do tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea, huyện K vào ngày 18/01/2006. Sau khi kết hôn, anh chị cư trú tại buôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được khoảng 05 năm. Trong thời gian này, anh D không lo làm ăn, chơi bời bài bạc, đánh số đề, cá độ bóng đá làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị H khuyên ngăn nhưng anh không nghe còn chửi đánh đập vợ con, đập phá đồ đạc trong gia đình. Từ năm 2013 đến năm 2018 anh chị sinh sống ở thành phố C, tỉnh K. Trong khoảng thời gian này, anh D vẫn tính nết ỷ lại, không lo làm ăn, chơi bời bài bạc, phá tán tài sản, làm cho kinh tế gia đình không còn gì. Đến tháng 4 năm 2019 anh chị chuyển khẩu về buôn N, xã Ea, huyện K cho đến nay. Thực tế anh chị đã ly thân từ

cuối năm 2017, khi cư trú tại buôn N, xã Ea, huyện K, chị H và các con của chị cư trú tại nhà bố mẹ đẻ ở buôn N, còn anh D cư trú và lái xe cho gia đình bà Trần Thị P, ở buôn N, xã Ea. Thời gian gần đây, anh D vay mượn tiền rất nhiều người nhưng không trả, ngoài ra còn gọi điện hăm dọa gia đình chị và mẹ con chị. Từ những nguyên nhân trên, chị yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung: Nguyễn Thị T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2004; Nguyễn Ha N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2012, hiện các cháu đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn D để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Tòa án. Nhưng anh D vắng mặt tại các buổi làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thảo H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn D.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung, hiện đang sống với chị H. Quá trình tham gia tố tụng, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Trên cơ sở xem xét điều kiện của nguyên đơn và quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên. Cần tiếp tục giao 02 con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Ha N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị Thảo H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn D cư trú tại buôn N, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng anh D vắng mặt tại các phiên làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Bị đơn anh Nguyễn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thảo H và anh Nguyễn D đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea, huyện K vào ngày 18/01/2006, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh D không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, anh D không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, chơi bài bạc, phá tán kinh tế gia đình, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H và anh D đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, chị H và anh D cư trú tại buôn N, xã Ea, huyện K. Quá trình chung sống giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Anh D có chơi bài bạc, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, hiện hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã xảy ra trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị H và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Ha N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2012, hiện đang sống với chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy yêu cầu trên của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và tình hình thực tế giữa các bên. Căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 02 con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Ha N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Chị H không yêu cầu phân chia nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung*: Nguyên đơn xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thảo H và anh Nguyễn D.

2. *Về nuôi con chung*: Giao 02 con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Ha N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2012 cho chị Trần Thị Thảo H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị Thảo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, biên lai số 9382 ngày 06/5/2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Ea, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên